

CHÍNH TRỊ - LUẬT**CUỘC XUNG ĐỘT ISRAEL - PALESTINES
THEO HAI CÁCH NHÌN CỦA
BÁO NEW YORK TIMES VÀ BÁO HAARETZ**

Đỗ Trọng Quang

Từ năm 2000 đến 2007, nhiều sự kiện xảy ra tại Trung Đông khiến viễn cảnh hòa bình trở nên mù mịt. Năm 2000, Israel và Palestines thương lượng không có kết quả về một giải pháp hai nhà nước, cuộc nổi dậy gọi là *intifada của dân Palestines* bùng phát dữ dội. Đầu năm 2001, ông Ariel Sharon được bầu làm Thủ tướng Israel. Năm 2006, tiến trình hòa bình bị cản trở khi ba sự kiện nối tiếp nhau diễn ra: ông Ehud Olmert trúng cử ở Israel, phong trào Hamas thắng lợi tại Palestines, và cuộc chiến tranh Lebanon.

Năm 2007, nội chiến ở dải Gaza giữa Hamas và Fatah kết thúc với chiến thắng của Hamas. Triển vọng thành lập một nhà nước Palestines tại Gaza và hầu hết Bờ Tây càng mơ hồ. Tình hình này chẳng những bất lợi cho người Israel và Palestines mà còn tác động đến lợi ích quốc gia của Mỹ. Ở Israel, chính sách của chính phủ đối với dân Palestines bị chính người Israel chỉ trích mạnh mẽ. Chính sách đó được Mỹ tích cực ủng hộ, khiến nguy cơ về xu hướng cực đoan Hồi giáo tăng thêm, phá hoại những gì còn lại của sự ổn định ở Trung Đông, đe dọa các chế độ Arab bảo thủ vốn là đồng minh của Hoa Kỳ như Ai Cập, Arab Saudi, và Jordan. Nếu xu hướng cực đoan Hồi giáo phát triển, nước Mỹ sẽ phải đối mặt với hành động khủng bố

trả thù, không loại trừ khả năng các phần tử cuồng tín sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt đánh vào các đô thị Israel và Mỹ. Chủ trương ủng hộ Israel xuất phát từ cách nhìn của người Mỹ về cuộc xung đột Israel - Palestines.

Quan điểm hiện nay phổ biến ở Hoa Kỳ là, người Palestines phải chịu trách nhiệm về bạo lực đang tiếp diễn và sự bế tắc chính trị, vì thế chủ trương ủng hộ Israel vô điều kiện không thể thay đổi. Trong khi đó, chủ trương này được tranh luận sôi nổi ở Israel, nhiều nhân vật quan trọng cho rằng Israel phải gánh phần lớn trách nhiệm về cuộc xung đột. Mặc dù đây chưa phải là ý kiến đa số trong dư luận, nhưng lời phê phán chính phủ vẫn xuất hiện đều đặn trên báo chí cũng như trong lời tuyên bố của nhiều học giả hàng đầu, nhà văn, sĩ quan quân đội hưu trí, quan chức tình báo, thậm chí một số chính trị gia.

Ở Israel, hầu hết những người chỉ trích chính phủ nghĩ rằng, chính phủ có thể thay đổi chính sách nếu Hoa Kỳ yêu cầu và gây sức ép. Chừng nào người Mỹ còn nhìn nhận một chiều về chính sách của Israel, thì không thể có sự thay đổi, dù ai làm tổng thống nước Mỹ, dù người nào kiểm soát quốc hội. Về vấn đề này, không có sự bất đồng giữa đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa hay giữa những người được họ đưa ra tranh cử tổng thống.

Để minh họa cho điểm khác biệt giữa dư luận ở Mỹ và ở Israel về cuộc xung đột Israel - Palestines, người ta tập trung chú ý vào hai tờ báo nhiều ảnh hưởng nhất tại hai nước này: báo *New York Times* và báo *Haaretz*.

Ở Israel, nhiều người đánh giá rằng *Haaretz* là cơ quan ngôn luận có uy tín nhất. Một số độc giả phản bác lại cách đánh giá đó, họ cho rằng các bài xã luận, bình luận và tin tức của *Haaretz* chắc gì đại diện cho quan điểm của nhiều phương tiện thông tin đại chúng hoặc tiêu biểu cho dư luận. Nhưng xin nói rằng, nhiều bài bình luận dẫn ra ở đây đã từng được in trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, như tờ *Yediot Aharonot*, một cơ quan ngôn luận có số lượng phát hành lớn nhất. Và trong các tờ báo bảo thủ cũng có những bài phê phán chính phủ gay gắt hơn ở Hoa Kỳ nhiều.

Nhiều bài bình luận đăng ở *Haaretz*, kể cả những bài khiến độc giả sùng sốt nhất, lại chẳng phải do các cây bút của *Haaretz* viết, mà là bài của cộng tác viên thuộc các tổ chức chính trị, quân sự, và tình báo. Không những thế, ngoài các bài bình luận và phân tích của chính mình, *Haaretz* còn đăng tỉ mỉ báo cáo và kết quả điều tra của Liên hợp quốc, các tổ chức nhân quyền quốc tế, các tổ chức phi chính phủ.

Haaretz chẳng phải là cơ quan ngôn luận thiên hẳn về phái tả, một số phóng viên của nó có quan điểm của phái giữa về cuộc xung đột Israel - Palestines, một số người đứng trên lập trường của phái hữu. Tính chính xác của tin tức và bài phân tích đăng trên *Haaretz* ít khi bị phủ nhận. Lời cảnh báo về xung đột và bạo lực leo thang luôn luôn được đưa ra, nên dù *Haaretz* không tiêu biểu cho đa số công chúng, nhưng ít nhất cách nhìn của thiểu số cũng có khả năng thuyết phục đa số thay đổi ý kiến, sau đấy tạo ra sự thay đổi trong chính sách của chính phủ.

Quả thật, quan điểm bất đồng đã từng làm thay đổi thái độ xã hội đối với người Palestines. Đầu những năm 1990, ít người Israel sẵn lòng thừa nhận dân Palestines có quyền lập nhà nước riêng ở các vùng đất bị chiếm đóng, tức dải Gaza và Bờ Tây. Thế nhưng trước khi Hamas tiếp quản Gaza tháng 6/2007, đa số dân Israel đã đồng ý, ít nhất về nguyên tắc, là Israel cần phải rút khỏi phần lớn đất đai chiếm đóng và để người Palestines xây dựng một nhà nước độc lập. Quan điểm này đã được phái tả Israel nhiều lần công khai ủng hộ, đặc biệt trên những tờ báo có uy tín nhất.

Về *New York Times*, tờ báo này có ảnh hưởng đáng kể đối với công luận ở Hoa Kỳ, đối với Quốc hội và Chính phủ. Ảnh hưởng của nó được phát huy qua các bài xã luận, bình luận và tin tức, nó rất ít phê phán chính sách của Israel. *New York Times* không phải chỉ đưa tin, nó còn quyết định tin nào được coi là quan trọng, và tin đó có thể được hiểu như thế nào. Nó làm như thế bằng nhiều cách, bằng quyết định tin nào là chủ yếu, tin nào là thứ yếu, như được thấy trong cách sắp đặt trang tin tức. Nó quyết định bỏ đi, hay không nhấn mạnh điểm nào trong bài tường thuật.

Tuy vậy, ở đây chúng ta chỉ đề cập đến sự khác biệt giữa *New York Times* và *Haaretz*, thể hiện sự ủng hộ hay phản đối chính sách của Hoa Kỳ và Israel. Việc Hoa Kỳ kiên trì ủng hộ Israel có thể được giải thích bằng nhiều nhân tố. Thứ nhất là, các nhà hoạch định chính sách và công chúng Hoa Kỳ tin rằng nước Mỹ có nghĩa vụ giúp Israel tự vệ chống các kẻ thù Arab. Trong những năm đầu, những người chủ trương thực hiện nghĩa vụ này mang nặng một ý thức tội lỗi về nhiều thế kỷ đạo Thiên chúa và người phương Tây bài Do Thái, ví dụ khủng khiếp nhất là chính sách diệt chủng dân Do Thái của chủ nghĩa quốc xã Đức thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ II.

Thứ hai, công chúng Mỹ cho rằng Israel đã xây dựng và duy trì một nền dân chủ tự do tại một khu vực bị các chế độ chuyên chế lũng đoạn. *Thứ ba*, giữa Hoa Kỳ và Israel có những điểm tương đồng văn hóa. Do nguồn gốc phân lớn cư dân, do các giá trị, và do kiểu xã hội mà người Do Thái tìm cách thiết lập, Israel được coi là một bộ phận của phương Tây.

Thứ tư, một số tổ chức Tin lành tại Hoa Kỳ gần đây đã ủng hộ Israel vô điều kiện, một phần vì họ quan tâm đến "di sản Cơ đốc Do Thái" bị công kích ở thế giới Arab, một phần vì nhiều người Tin lành tin rằng bảo vệ Israel tức là thực hiện lời tiên tri trong kinh Tân ước.

Thứ năm, trong thời gian Chiến tranh Lạnh, nhiều người ở Hoa Kỳ cho rằng một nước Israel thân Mỹ, chống cộng mạnh mẽ, có thể phục vụ lợi ích của Mỹ chống khuynh hướng bành trướng của Liên Xô tại Trung Đông. Từ khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt, người Mỹ tin rằng ủng hộ Israel là góp phần chống chủ nghĩa khủng bố và xu hướng Hồi giáo cực đoan.

Năm nhân tố nói trên được bổ sung bằng thực tế của chính trường nước Mỹ: sức mạnh kinh tế và chính trị của các cộng đồng Do Thái, sự ủng hộ to lớn về tài chính của họ cho các ứng cử viên tổng thống mà họ ưa thích, tầm quan trọng ở lá phiếu của người Do Thái tại cuộc bầu cử quốc hội và tổng thống. Vì thế, ít có ý kiến phản kháng sự ủng hộ Israel. Sự hội tụ của mối tương đồng văn hóa, tín ngưỡng và bản sắc, lợi ích chung, sức mạnh kinh tế, và nền chính trị trong nước đã cắt nghĩa vì sao Israel giành được sự ủng hộ hầu như vô điều kiện của Hoa Kỳ nói chung, và ở một mức độ nào đó của báo *New York Times* nói riêng.

Do uy tín của mình, *New York Times* gây được ảnh hưởng trong dư luận Mỹ về cuộc xung đột Israel - Palestines, tác

động tai hại đến nỗ lực xây dựng một nền hòa bình bền vững. Trong khi *Haaretz* và nhiều nhà bình luận khác ở Israel rung chuông cảnh báo về xung đột và bạo lực leo thang, thì *New York Times* che lấp tiếng chuông đó.

Cuộc thương lượng ở Trại David và phong trào nổi dậy của người Palestines dưới ngòi bút của *New York Times* và *Haaretz*.

New York Times chịu trách nhiệm to lớn về các bài tường thuật cuộc xung đột Israel - Palestines, những bài khiến công chúng hiểu sai nguyên nhân sự đổ vỡ quá trình hòa bình đã có triển vọng tốt đẹp ở cuộc thương lượng Israel - Palestines tại Trại David, bang Maryland, tháng 7/2000, sự bế tắc chính trị và tình hình bạo lực những năm qua.

Trong những năm đầu sau cuộc họp thượng đỉnh ở Trại David, nhiều bài xã luận của Thomas Friedman, người phụ trách chuyên mục về chính sách đối ngoại của *New York Times*, lập luận rằng người Palestines bác bỏ lời đề nghị hào hiệp của Israel về một thỏa hiệp, và cứ chọn con đường bạo lực một cách thiếu suy nghĩ. Nhận thức này vẫn còn phổ biến ở Hoa Kỳ, làm nền tảng cho chính sách của Chính quyền George W. Bush, ảnh hưởng đến thái độ của quốc hội và công chúng Mỹ.

Theo *New York Times*, Thủ tướng Ehud Barak của Israel ở Trại David muốn thử xem ông Yasser Arafat và người Palestines có sẵn sàng cho một nền hòa bình thật sự không. Ông Ehud Barak đề nghị một giải pháp toàn diện mà trong đó, để đổi lấy việc người Palestines dứt khoát chấm dứt cuộc xung đột lâu dài, họ sẽ được thành lập một nhà nước độc lập ở 94-96% dải Gaza và Bờ Tây cũng như một nửa Jerusalem, bao gồm tất cả các khu vực Arab chủ chốt. Ngoài ra, các khu định cư Do Thái nằm trong nhà nước Palestines mới sẽ được trả lại; những

khu vực ranh giới nào sáp nhập vào Israel sẽ được đền bù; một số dân Palestines tị nạn được phép trở lại Israel, còn những người khác thì hoặc có quyền trở về nhà nước Palestines hoặc được bồi thường tiền.

Người Palestines bác bỏ đề nghị đó, khiến Israel thất vọng. Theo *New York Times* thì dù đề nghị của ông Ehud Barak chưa để được người Palestines chấp nhận, ông Arafat cũng chẳng nên cắt đứt thương lượng và phát động *intifada*. Đáng lẽ ông nên đưa ra một đề nghị ngược lại, rồi sau đó dùng ngoại giao hay thậm chí dùng cách phản kháng bất bạo động để đòi Israel nhượng bộ thêm, nhưng ông không làm như vậy. Rồi tờ báo kết luận rằng hành động của ông Arafat chứng tỏ ông chỉ muốn có một nhà nước Palestines bằng cách mạng vũ trang, ông không muốn chấp nhận giải pháp hai nhà nước, hay rõ ràng “chưa từ bỏ mục đích lâu dài của mình là loại trừ Israel”.

Cách lập luận của *New York Times* không những bị *Haaretz* phản bác, mà bị cả nhiều học giả và nhà báo Israel, Mỹ, Palestines, châu Âu, đặc biệt các quan chức Israel và Mỹ chống lại, trong đó có những người trực tiếp tham gia thương lượng ở Trại David năm 2000¹. Các điểm chính của lời phản bác đó như sau:

Trước hết, mặc dù ông Barak tin rằng dàn xếp với người Palestines là điều cần thiết, nhưng ông vẫn do dự. Ông không đưa ra đề nghị cụ thể ở Trại David về các lĩnh vực tranh chấp, từ chối ghi thành văn bản bất cứ điều gì trước khi toàn bộ đề nghị cả gói được đối phương đồng ý. Ông từ chối trực tiếp gặp Yasser Arafat, khiến các quan chức khác của Israel tại Trại David tức giận, và có thể góp phần làm cuộc họp thượng đỉnh thất bại. Sau đó, Barak khoe rằng ông cho dân Palestines ít hơn người tiền nhiệm cứng rắn trong đảng Likud là Netanyahu.

Ngay dù như vậy, mọi người vẫn nhất trí về đề nghị bằng miệng của Barak tại Trại David: một nhà nước Palestines phi quân sự ở hầu hết các lãnh thổ chiếm đóng (khoảng 85% tới 90%); người Israel giữ lại (a) các khu định cư Do Thái đông dân, phần lớn gần các vùng thuộc chủ quyền Israel trước cuộc chiến tranh tháng 6/1967, nhưng một số kéo dài vào lãnh thổ Palestines; (b) phần lớn Jerusalem, bao gồm Núi Đền cùng những nơi khác trong Thành phố Cũ có các địa điểm mà người Palestines và Israel coi là linh thiêng; (c) phần lớn các nơi chứa nước ở Bờ Tây và một bộ phận lớn đất đai phi nhiều ở Bờ Tây; và (d) Israel tiếp tục kiểm soát bằng quân sự thung lũng sông Jordan cùng các núi kê bên trong thời hạn từ 20 đến 30 năm.

Như vậy, nếu Arafat chấp nhận khái niệm của Barak về một giải pháp “công bằng và hào hiệp”, thì dân Palestines chỉ giành được một “nhà nước” Palestines nhỏ xíu, nghèo khổ và thiếu nước, chia thành ít nhất ba vùng đất (Gaza, miền bắc Bờ Tây, và miền Nam Bờ Tây), cách nhau bằng lãnh thổ, lực lượng vũ trang, và các khu định cư Israel. Hơn nữa, dân Palestines không có chủ quyền đầy đủ ở Đông Jerusalem Arab, kể cả các thánh đường Hồi giáo lớn trên Núi Đền.

Hầu hết mọi người tham gia thương lượng ở Trại David, cả người Israel lẫn người Palestines, đều cho rằng sự bế tắc về Jerusalem là vấn đề khó giải quyết nhất. Barak đã có lập trường cứng rắn về Jerusalem, lần đầu tiên khẳng định đòi Israel phải có chủ quyền chính thức ở Thành phố Cũ, và người Do Thái phải có quyền cầu kinh tại Núi Đền.

Cuối cùng, quyền độc lập tối thiểu mà Ehud Barak sẵn lòng trao cho dân Palestines cũng tùy thuộc ở thiện ý của ông muốn thật sự rút khỏi những khu vực được cho là nhường cho người

Palestines. Ông Barak vẫn tiếp tục mở rộng các khu định cư, các vị trí và tiền đồn quân sự, các đường sá do người Israel kiểm soát tại các lãnh thổ chiếm đóng. Ông làm việc đó với tiến độ nhanh hơn cả Chính phủ Netanyahu phải hứa. Vì thế, người ta ngờ rằng mục đích thật sự của ông Barak là muốn giành sự ủng hộ của Mỹ và quốc tế cho sự bành trướng và chiếm đóng của Israel.

Mặt khác, chẳng phải ông Arafat đã từ chối giải quyết xung đột bằng thỏa hiệp. Từ năm 1988, ông cùng các nhà lãnh đạo khác của Tổ chức Giải phóng Palestines (PLO) đã nhắc lại nhiều lần mục đích tìm một giải pháp hai nhà nước, theo đó thì nhà nước Palestines chỉ được xây dựng ở phần còn lại của Palestines sau khi nhà nước Israel được thành lập và mở rộng thêm trong cuộc chiến tranh năm 1948, tức là 23% theo quy định của Hội Quốc Liên năm 1919 về đất Palestines.

Ở Trại David, ông Yasser Arafat còn nhân nhượng nhiều hơn nữa. Ông chấp nhận việc sát nhập vào Israel các khu định cư gần nơi thuộc chủ quyền Israel và một số vùng Do Thái tại Đông Jerusalem trước kia của dân Arab. Ông thừa nhận chủ quyền Israel đối với những khu vực rõ ràng của người Do Thái tại Thành phố Cũ Jerusalem. Như vậy, Arafat đã đồng ý thu nhỏ thêm phần còn lại của Palestines sau này sẽ trở thành nhà nước Palestines.

Sau khi *intifada* bùng nổ, chẳng có cơ sở nào để suy diễn rằng mục đích thật sự của Arafat là muốn loại bỏ Israel chứ không phải muốn có một nhà nước Palestines thật sự độc lập tại Bờ Tây và dải Gaza, với chủ quyền đầy đủ của Palestines đối với Đông Jerusalem cùng các địa điểm linh thiêng của người Arab. Một số người cho rằng, Yasser Arafat rời bỏ Trại David, chỉ muốn lợi dụng sự bế tắc làm cái cớ để từ chối tiếp tục thương lượng và ra lệnh vũ trang

nổi dậy. Những người đó quên rằng, *intifada* không bùng phát sau khi cuộc thương lượng ở Trại David thất bại cuối tháng 7/2000. Nguyên nhân cuộc nổi dậy không phải do thương lượng đổ vỡ, vì Israel và Palestines vẫn bí mật đàm phán cho đến lúc Ariel Sharon trúng cử tháng 1/2001. *Intifada* nổ ra là do Ariel Sharon đến thăm Núi Đền tháng 9/2000, một động thái có tính chất khiêu khích đối với dân Palestines vì địa điểm đó có thánh đường al-Aqsa của đạo Hồi. Dù sao Arafat cũng sùng sốt vì *intifada*, một biểu hiện sự giận dữ bị dồn nén của dân Palestines chẳng những đối với cuộc chiếm đóng, mà còn đối với việc Arafat không chấm dứt được cuộc chiếm đóng đó.

Mặc dù sau đó Arafat kiểm soát được phần nào các chiến binh Fatah của ông, nhưng các nhà quan sát không tin rằng ông khống chế được các phần tử đánh bom liều chết của Hamas và Islamic Jihad. Đây là kết luận của nhiều người trong tổ chức tình báo Israel, cũng như của Ami Ayalon, người đứng đầu Shin Bet, cơ quan an ninh nội bộ Israel trong những sự kiện năm 2000. Ông này nói rằng: "Yasser Arafat không chuẩn bị mà cũng chẳng phát động *intifada*. Cuộc nổi dậy đã bùng nổ tự phát chống Israel, vì mọi hy vọng chấm dứt cuộc chiếm đóng đã tiêu tan, và chống lại Chính quyền Palestines, sự tham nhũng của nó, sự bất lực của nó. Arafat chẳng dẹp được cuộc nổi dậy..."

Cuộc chiếm đóng Palestines dưới ngòi bút của *New York Times* và *Haaretz*.

Có những điểm bất đồng sâu sắc giữa hai tờ báo trong cách miêu tả cuộc chiếm đóng của Israel. Trong các bài xã luận, *New York Times* luôn luôn chỉ trích các khu định cư Do Thái ở các lãnh thổ chiếm đóng, đôi khi phê phán sự đàn áp của Chính phủ Israel. Tuy nhiên gần đây, *New York Times* đã giữ thái độ im lặng về cuộc chiếm đóng, mà

một trong những biểu hiện là các khu định cư. Tờ báo ít quan tâm đến hậu quả tai hại của cuộc chiếm đóng đối với dân Palestines, trong đó nghiêm trọng nhất là việc bắn giết dân thường vô tội, chưa kể nỗi sỉ nhục của người Palestines hàng ngày khi bị kẻ khác cai trị, những thiệt hại của họ về kinh tế. Bài xã luận, phân tích, hoặc tin tức chủ yếu tập trung vào hậu quả thực tế đối với Israel và lợi ích quốc gia của nước đó. Ví dụ, Israel mất sự ủng hộ của quốc tế, hoặc nước đó lo ngại rằng dân Arab sẽ chiếm đa số.

Đặc biệt, *New York Times* nói rằng ít có mối liên quan giữa bạo lực của *intifada* với cuộc chiếm đóng và đàn áp của Israel, không phân biệt giữa bạo lực của kẻ chiếm đóng với bạo lực của nạn nhân, giữa cuộc tấn công của người Palestines vào lực lượng quân sự Israel với cuộc tấn công của Israel vào dân thường. Trong mấy năm đầu tiên sau khi tiến trình hòa bình năm 2000 đổ vỡ và cuộc nổi dậy của dân Palestines bắt đầu, *New York Times* hoặc coi bạo lực của cả hai bên đều đáng chê trách về mặt đạo lý như nhau, hoặc đổ lỗi phần lớn cho người Palestines. Tờ báo không coi cuộc chiếm đóng và đàn áp của Israel là nguyên nhân bạo lực của người Palestines, khi viết rằng: "Cả hai bên, nhất là người Palestines, đều nổi tiếng về làm tiêu tan hy vọng. Bạo lực của người Palestines đối với Israel thật vô ích, và chỉ gây ra những phản ứng trừng phạt."²

Có lần *New York Times* tường thuật rằng, sau một trận tấn công của Hamas giết chết bốn binh sĩ Israel, quân đội Israel đã trả thù bằng cách phá hủy hàng chục ngôi nhà trong một trại tị nạn Palestines, khiến hàng trăm người không có nơi trú ngụ. Bài tường thuật không nói rằng, cuộc tấn công của người Palestines vào binh lính Israel là một phần cuộc nổi dậy chống ách chiếm đóng, còn cuộc "trả thù" của Israel là

đánh vào dân thường, nhằm duy trì ách chiếm đóng.

Phải thừa nhận *New York Times* thỉnh thoảng có chỉ trích bạo lực của Israel, nhưng thường biện minh cho bạo lực đó. Ví dụ, sau khi binh lính Israel ô ạt xâm nhập các trại tị nạn của dân Palestines mùa Xuân 2002, giết hàng chục dân thường Palestines và làm hàng trăm người mất nhà ở, một bài xã luận của *New York Times* nói rằng cuộc xâm nhập là "không khôn ngoan" và "phản tác dụng", vì nó "phá hoại lợi ích của bản thân Israel". Rồi bài xã luận nói thêm rằng "dĩ nhiên Israel không thể cho phép các trại tị nạn và thành phố Palestines trở thành nơi ẩn náu của bọn khủng bố".³

Trong những năm Ariel Sharon cầm quyền, các bài xã luận của *New York Times* đôi khi phê phán cuộc chiếm đóng, nhất là các khu định cư, và chỉ trích các chính sách sai lầm của Thủ tướng Israel, nhưng nói rằng ta không nên coi việc người Do Thái xây dựng khu định cư ở vùng chiếm đóng ngang với hành động khủng bố của người Palestines: "Bạn không thể coi việc làm nổ tung trẻ em trên một xe buýt ngang với việc xây dựng ở đất đai mà người khác coi là của họ".

Cách lập luận này coi nhẹ việc tước đoạt đất đai của dân Palestines và sự bành trướng các khu định cư, việc đặt vật chướng ngại trên đường, lập trạm kiểm soát quân sự, xây dựng đường sá ở các vùng đất mà chỉ người Do Thái được sử dụng, hậu quả to lớn về sức khỏe của cuộc chiếm đóng đối với dân Palestines, sự hủy hoại nền kinh tế Palestines, nạn nghèo khổ của dân chúng, sự phá hủy hàng nghìn ngôi nhà của người Palestines, bắt bớ hàng loạt, ám sát hàng trăm người bị cho là cầm đầu tổ chức khủng bố, dẫn đến cái chết của bao người Palestines, kể cả phụ nữ và trẻ em.

Cuối cùng, *New York Times*, trong một bài xã luận tháng 2/2006, chỉ trích Chính quyền Palestines và người lãnh đạo là Mahmoud Abbas “đã không mang lại nền an ninh mà Israel rất cần”. Bài báo lên án Hamas, không phải chỉ về chủ nghĩa khủng bố trước kia, mà vì Hamas tiếp tục “bảo vệ quyền dùng vũ khí chống cuộc chiếm đóng của Israel”. Bài xã luận hầu như biện minh cho cái chỉ có thể gọi là chủ nghĩa khủng bố nhà nước của Israel, vì bài đó giận dữ cảnh cáo Hamas rằng, nếu tổ chức này không ngừng “những cuộc tấn công vô nghĩa vào các mục tiêu Israel, thì Israel sẽ trả đũa như đã làm khi tàn phá Nablus cùng các đô thị Palestines khác sau khi *intifada* bắt đầu năm 2000”.

Không giống như *New York Times*, báo *Haaretz* trong nhiều năm qua đã đăng tải kết luận của Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới cùng nhiều tổ chức khác về tác động của khủng hoảng kinh tế đến dân Palestines, nhất là ở Gaza; sự nghèo khó của đa số dân cư; việc binh lính Israel phá hủy nhà ở, công xưởng, và nông nghiệp; sự suy thoái của hệ thống y tế công cộng; sự hạn chế lưu thông hàng hóa và lao động; sự trốn chạy của giai cấp trung lưu (kể cả người kinh doanh), then chốt của phát triển kinh tế.

Các cây bút của *Haaretz* nhiều lần nêu vấn đề đạo lý của việc chiếm đóng, phóng viên của báo miêu tả tỉ mỉ sự hủy hoại của khủng hoảng nhân đạo do Israel gây ra đối với cuộc sống dân Palestines. Cùng với *Haaretz*, nhiều nhân vật danh tiếng ở Israel lên tiếng rõ ràng và thẳng thắn về hậu quả cuộc chiếm đóng đối với dân Palestines. Tháng 3/2004, Meron Benvenisti, nguyên Phó Thị trưởng thành phố Jerusalem, đã viết: “Cuộc chiếm đóng và việc đàn áp hàng triệu người đã đẩy xã hội Israel vào một cuộc khủng hoảng đạo lý sâu sắc”. Hai tháng sau, *Haaretz*

cho biết tổ chức Ân xá Quốc tế đã kết luận rằng quân đội Israel trong năm 2003 đã phạm “tội ác chiến tranh” khi giết 600 người Palestines, trong đó có hơn 100 trẻ em do “liều lĩnh bắn phá và ném bom ở các khu vực dân cư, trong các vụ hành quyết không xét xử, và do sử dụng sức mạnh quá đáng⁴. Từ đây, các bài xã luận của *Haaretz* nhiều lần nhắc lại lời tố cáo Israel phạm “tội ác chiến tranh” ở các lãnh thổ chiếm đóng.

Trong một bài xã luận tháng 7/2004, *Haaretz* nói rằng hơn 100 năm đã trôi qua kể từ ngày phong trào Xi-ôn theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái được thành lập. Tiếp theo, *Haaretz* kết luận: “Chúng ta không sợ nói rằng chủ nghĩa Xi-ôn thế kỷ XXI sẽ không tồn tại nếu cách giải thích mới coi nhà nước Do Thái là một nhà nước phân biệt chủng tộc thống trị dân Palestines trái với ý muốn của họ. Chúng ta phải nhớ rằng sự đau khổ của những người Palestines sống dưới ách chiếm đóng của Israel cũng tuyệt vọng như sự đau khổ của người Do Thái ở châu Âu cuối thế kỷ XIX”.

Gideon Levy và một phóng viên được giải thưởng quốc tế là Amira Hass, hai cây bút chính của *Haaretz* thường viết về tác động cuộc chiếm đóng đối với người Palestines, đã biểu lộ sự phẫn nộ và thất vọng về việc người Israel lên án những điều nước họ gây ra cho dân Palestines. Gideon đặt câu hỏi: “Chúng ta có quyền ở đâu để đối xử tồi tệ với cả một dân tộc như thế này... Chúng ta đã không nói về đạo lý từ lâu”⁵.

Tháng 5/2005, một bài xã luận của *Haaretz* miêu tả chính sách chiếm đóng của Israel là “đồi bại”, và kêu gọi Tòa án Tối cao Israel hãy “cứu đất nước khỏi chính nó và khỏi các chính sách cố ý và đáng khinh của những người lãnh đạo nó”. Tháng 7/2005, Gideon Levy miêu tả các khu định cư là “tội phạm ngay từ đầu. Cùng trong số báo đó, nhà

báo đứng ở lập trường phái giữa là Uzi Benziman viết rằng: “Lịch sử các khu định cư đầy những giết chóc và trộm cắp, sự vi phạm xấu xa quyền của người Palestines, sự chà đạp phẩm giá họ... dựa trên các bộ máy an ninh hùng mạnh của nhà nước để loại trừ sự chống đối của dân Palestines đối với nổi bất công giáng lên đầu họ”.

Ngôn từ kiên quyết tương tự như thế cũng được Akiva Eldar, phóng viên ngoại giao chính của *Haaretz*, sử dụng để viết hồi tháng 5/2006: “Trong nhiều năm, Israel đã phá hoại những quyền cơ bản nhất của người Palestines, quyền sống, tự do, an ninh, y tế, giáo dục, sự tôn trọng, sự di chuyển, việc làm, sự phồn vinh”. Tháng 6/2006, nhà báo Yossi Sarid, nguyên Bộ trưởng Giáo dục trong Chính phủ Barak và là người đứng đầu đảng Meretz, viết rằng cuộc chiếm đóng là “xấu xa”, là “thí dụ cuối cùng của chủ nghĩa thực dân phương Tây thời trước”. Ông nói thêm: “Israel nhìn vào gương và thấy khó nhận ra chính mình... Đây là một hình ảnh kinh tởm trong gương”.

Nếu nghĩ rằng chỉ các cây bút của *Haaretz* hoặc những người “khuyh tả” khác mới miêu tả cuộc chiếm đóng như vậy, thì xin mời đọc những bài đăng trong *Yediot Aharonot*, tờ báo lớn nhất của Israel, phỏng vấn bốn người trước kia đứng đầu cơ quan Shin Bet. Đây là Avraham Shalom, Yaakov Peri, Ami Ayalon, và Carmi Gillon, những người quyết định gửi một lời cảnh báo, một tiếng báo động.

Shalom: “Chúng ta đang cư xử rất xấu. Vâng, chẳng có từ nào khác chỉ điều đó. Rất xấu. Chúng ta hạ thấp giá trị người Palestines... Chẳng ai chấp nhận điều đó. Chúng ta cũng không

chấp nhận điều đó nếu nó được gây ra cho chúng ta”.

Peri: “Chúng ta đang chuốc lấy sự bất hạnh... một tai họa... Chúng ta sẽ tiếp tục đâm mình trong bùn, và chúng ta sẽ tiếp tục hủy hoại mình”.

Ayalon: “Nhiều điều chúng ta làm hôm nay là vô đạo đức, một số rõ ràng là vô đạo đức. Chúng ta đang đi những bước... rất chắc chắn đến một điểm mà ở đây Nhà nước Israel sẽ không là một chế độ dân chủ hay một ngôi nhà của dân tộc Do Thái”.

Gillon: “Nếu không có một thỏa thuận với người *Palestines*, thì chúng ta bị đánh gục... Nếu chúng ta chẳng giải quyết tình hình hiện thời và cứ tiếp tục xung đột với người Palestines, thì đất nước này sẽ đi từ xấu tới xấu hơn”.

(còn nữa)

Tài liệu tham khảo:

1. *New York Times*, August 8, 2001.
2. *New York Times*, May 22, 2001.
3. *New York Times*, December 20, 2006.
4. *New York Times*, January 25, 2005.
5. *New Yorker*, December 11, 2006.
6. *Haaretz*, November 26, 2004.
7. *Haaretz*, February 28, 2006.
8. *Haaretz*, September 12, 2006.
9. *Haaretz*, September 27, 2006.
10. *Journal of Palestinian Studies*, Vol.33, No 2 (Winter 2004)
11. *Washington Post*, December 12, 2006.
12. *Middle East Quarterly*, Vol. 14, No 2 (Spring 2007).

Chú thích:

- 1) *New York Review of Books*, Vol.48, No 13 (August 9, 2001). *Haaretz*, March 11, 2003.
- 2) *New York Times*, January 25, 2005.
- 3) *New York Times*, March 14, 2002.
- 4) *Haaretz*, March 12, 2004.
- 5) *Haaretz*, April 5, 2006.